

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/DS-ST

Ngày: 11-3-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng góp
hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tân

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc Y, sinh năm 1981 (vắng mặt).

CCCD số 094181000835, cấp ngày 04/4/2021.

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Lê N, sinh ngày 09/9/1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh An Giang.

2/ Bà Lâm Thị Anh T, sinh ngày 16/6/2000 (có mặt).

Địa chỉ: Khu V L, phường L, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Lê Thị N1, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị N2, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2025 của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc Y và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị Anh T trình bày:

Bà Võ Thị Ngọc Y và bà Lê Thị N1 là hàng xóm láng giềng quen biết với nhau nên bà Y có tham gia các dây hụi của bà Lê Thị N1 cụ thể:

+ Hụi tháng (mỗi tháng khui một lần):

Dây 1: Ngày 12/10/2020, có 38 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng/tháng, bà Y tham gia 01 phần, đã đóng được lần thứ 27 với số tiền 27.000.000 đồng, bà N1 tuyên bố vỡ hụi nên bà Y chưa được hốt chân hụi này.

Dây 2: Ngày 08/4/2021, có 48 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng/tháng, bà Y tham gia 02 phần, đã đóng được lần thứ 21 với số tiền 42.000.000 đồng, bà N1 tuyên bố vỡ hụi nên bà Y chưa được hốt chân hụi này.

Dây 3: Ngày 07/01/2022, có 46 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng/tháng, bà Y tham gia 01 phần, đã đóng được lần thứ 17 với số tiền 17.000.000 đồng, bà N1 tuyên bố vỡ hụi nên bà Y chưa được hốt chân hụi này.

Dây 4: Ngày 02/6/2022, có 55 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng/tháng, bà Y tham gia 01 phần, đã đóng được lần thứ 12 với số tiền 12.000.000 đồng, bà N1 tuyên bố vỡ hụi nên bà Y chưa được hốt chân hụi này.

+ Hụi tuần (mỗi tuần khui một lần):

Dây 1: Tháng 08/2022, có 100 phần, mỗi phần 100.000 đồng/tuần, bà Y tham gia 04 phần, đã đóng được lần thứ 41 với số tiền 16.400.000 đồng, bà N1 tuyên bố vỡ hụi nên bà Y chưa được hốt chân hụi này.

Dây 2: Ngày 02/9/2022, có 70 phần, mỗi phần 100.000 đồng/tuần, bà Y tham gia 04 phần, đã đóng được lần thứ 36 với số tiền 14.400.000 đồng, bà N1 tuyên bố vỡ hụi nên bà Y chưa được hốt chân hụi này.

Như vậy tổng cộng số tiền bà N1 thiếu tiền hụi của bà Y là 128.800.000 đồng, bà Y nhiều lần đòi nhưng bà N1 không trả. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị N1 phải trả cho bà Y số tiền hụi còn nợ tổng cộng 128.800.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Tại Tờ tường trình ngày 05/01/2026 của bị đơn bà Lê Thị N1 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị N2 trình bày:

Bà Lê Thị N1 là chủ hụi, hiện nay do có quá nhiều con hụi không đóng cho bà N1, bà N1 phải trả hụi cho các hụi viên nên bà không có khả năng trả một lần cho bà Y, bà xin trả tiền hụi theo từng dây theo số tiền mà bà Y đã thực đóng cho bà cụ thể như sau:

+ Hụi tháng (mỗi tháng khui một lần):

Dây 1: Ngày 12/10/2020, có 38 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng/tháng, bà Y tham gia 01 phần, bà Y đóng được 27 lần với số tiền 18.550.000 đồng.

Dây 2: Ngày 08/4/2021, có 48 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng/tháng, bà Y tham gia 02 phần, bà Y đóng được 21 lần với số tiền 02 phần là 25.640.000 đồng.

Dây 3: Ngày 07/01/2022, có 46 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng/tháng, bà Y tham gia 01 phần, bà Y đóng được 17 lần với số tiền 10.600.000 đồng.

Dây 4: Ngày 02/6/2022, có 55 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng/tháng, bà Y tham gia 01 phần, bà Y đóng được 12 lần với số tiền 7.390.000 đồng.

+ Hội tuần (mỗi tuần khai một lần):

Dây 1: Đối với dây hội mở ngày 3/8/2022, thì dây hội này có 70 phần, không phải 100 phần, mỗi phần 100.000 đồng/tuần, bà Y tham gia 04 phần, bà Y đóng được 36 lần với số tiền 10.016.000 đồng.

Dây 2: Đối với dây hội nguyên đơn khởi kiện là ngày 2/9/2022, có 70 phần thì tôi không có mở dây hội ngày 2/9/2022 mà mở ngày 27/6/2022, có 100 phần, mỗi phần 100.000 đồng/tuần, bà Y tham gia 04 phần, bà Y đóng được 41 lần với số tiền 11.240.000 đồng.

Vậy tổng hết số tiền mà bà Y đã đóng cho bà N1 là 83.436.000 đồng và bà N1 đồng ý trả cho bà Y số tiền là 83.436.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng với số tiền là 500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự liên quan đến họ, hội, bêu, phường, giữa hội viên và chủ hội, nên được xác định là tranh chấp hợp đồng góp hội. Bị đơn cư trú tại khu vực T, phường N, thành phố Cần Thơ, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất trình bày, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc Y có tham gia chơi hội do bị đơn bà Lê Thị N1 làm chủ hội (đầu thảo), cụ thể: Tham gia 04 dây hội tháng, mức hội 1.000.000 đồng/tháng và 02 dây hội tuần, mức hội 100.000 đồng/tuần.

Trong đó, 04 dây hội tháng, cụ thể: Dây 1: Ngày 12/10/2020, có 38 phần, bà Y tham gia 01 phần và đã đóng được 27 lần; dây 2: Ngày 08/4/2021, có 48 phần, bà Y tham gia 02 phần và đã đóng được 21 lần; dây 3: Ngày 07/01/2022, có 46 phần, bà Y tham gia 01 phần và đã đóng được 17 lần; dây 4: Ngày 02/6/2022, có 55 phần, bà Y tham gia 01 phần và đã đóng được 12 lần. 02 dây hội tuần cụ thể: Dây 1: Ngày 3/8/2022, có 70 phần, bà Y tham gia 04 phần và đã đóng được 36 lần; dây 2: Ngày 27/6/2022, có 100 phần, bà Y tham gia 04 phần và đã đóng được 41 lần.

Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà N1 phải trả cho bà Y số tiền hui còn nợ tổng cộng 128.800.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà N1 chỉ đồng ý trả cho bà Y số tiền bà Y đã thực đóng là 83.436.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng với số tiền là 500.000 đồng.

[4] Xét thấy, giao dịch góp hui được xác lập giữa bà Lê Thị N1 (chủ hui) và bà Võ Thị Ngọc Y (hui viên) trên cơ sở tự nguyện. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận hui viên bà Y góp hui sống đầy đủ và đúng hạn. Lý do ngưng hui là do nhiều hui viên khác không góp hui chết cho chủ hui nên bà N1 phải tràn hui quá nhiều, dẫn đến vỡ hui, không có lỗi của bà Y. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường quy định thành viên trong hui (hộ) có lỗi có quyền: *“Hưởng lãi từ thành viên lĩnh hộ”*. Trong trường hợp này, bà Y đã góp hui sống hợp lệ, nên có quyền hưởng lãi từ các thành viên đã hót hui (lĩnh hộ) trong các kỳ khai hui đó. Các dây hui bị ngưng là do chủ hui không đủ khả năng tràn hui (góp thay phần hui chết cho các hui viên đã lĩnh hui). Nay, nếu chỉ trả tiền hui thực góp cho hui viên chưa lĩnh hui thì phần lãi hui đã bỏ ra này sẽ do chủ hui hưởng khi truy đòi tiền hui chết của hui viên đã lĩnh hui là không phù hợp.

[5] Về mức lãi cụ thể, tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường có quy định: *“Lãi suất trong hộ có lãi do các thành viên của dây hộ thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh hộ tại mỗi kỳ mở hộ nhưng không vượt quá 20%/năm của tổng giá trị các phần hộ phải góp trừ đi giá trị các phần hộ đã góp trên thời gian còn lại của dây hộ”*. Do bị đơn bà Lê Thị N1 là chủ hui, không cung cấp được sổ hui và các giấy tờ thể hiện số tiền lãi hui mà hui viên đã bỏ ra trong từng kỳ mở hui nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ tiền hui thực góp và lãi hui được hưởng ở các kỳ mở hui là có cơ sở.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị N1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc Y số tiền hui còn nợ tổng cộng 128.800.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5%/số tiền có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 18, Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc Y. Buộc bị đơn bà Lê Thị N1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc Y số tiền hụi còn nợ 128.800.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc Y tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.220.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011779 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Buộc bà Lê Thị N1 có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 6.440.000 đồng.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV7-Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp

